

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-4-2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Bích Khiêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Phước.

Ông Hà Văn Châu.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Văn Ngọc Hân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lê Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Hồng T**, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Số 249/10/3 đường THĐ, khóm T, phường B, thành phố S, tỉnh S

- Bị đơn: Ông **Võ Văn S**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 249/10/3 đường THĐ, khóm T, phường B, thành phố S, tỉnh S.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2021 và lời trình bày của bà Ngô Hồng T tại phiên tòa thì:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Hồng T và ông Võ Văn S tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Sóc Trăng vào ngày 24/5/2011. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến thời gian sau thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm chia sẻ, bà T và

ông S đã nộp đơn ra tòa đây là lần thứ 3, giữa vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà T và ông S có 02 người con chung là cháu Võ Ngọc T, sinh ngày 18/3/2012 và cháu Võ Ngọc Trâm A, sinh ngày 22/5/2017, hiện nay đang sống với bà T và ông S.

- Về tài sản chung: Tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa bà Ngô Hồng T yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn S.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi dưỡng hai người con cháu Võ Ngọc T, sinh ngày 18/3/2012 và cháu Võ Ngọc Trâm A, sinh ngày 22/5/2017 và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 16/12/2021 bị đơn ông Võ Văn S trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày nêu trên của bà T về thời gian kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nhưng ông không đồng ý ly hôn, vì ông không muốn gia đình tan vỡ.*

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông S và bà T có 02 người con chung là cháu Võ Ngọc T, sinh ngày 18/3/2012 và cháu Võ Ngọc Trâm A, sinh ngày 22/5/2017, hiện nay đang sống với bà T và ông S. Ông S và bà T thỏa Thuận bà T sẽ là người trực tiếp nuôi hai con và ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa Thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Ngô Hồng T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi

con khi ly hôn với ông Võ Văn S và ông S cư trú tại địa chỉ số 249/10/3 đường T HĐ, khóm T, phường B, thành phố S, tỉnh S nên vụ án Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.2] Ông Võ Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Ngô Hồng T và ông Võ Văn S xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/05/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố S, tỉnh S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131/2011 nên hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Theo các tài liệu, chứng cứ do bà Ngô Hồng T cung cấp, có cơ sở xác định sau thời gian chung sống thì bà T và ông S phát sinh mâu thuẫn do có sự khác biệt về quan điểm sống, không thông cảm cho nhau nên dẫn đến cãi vã; bà T không còn tình cảm với ông S và mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.

[2.3] Về con chung:

[2.3.1] Xét yêu cầu nuôi con của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Võ Ngọc T, sinh ngày 18/3/2012 và cháu Võ Ngọc Trâm A, sinh ngày 22/5/2017 đang sống chung với bà T và ông S tại Số 249/10/3 đường THĐ, khóm T, phường B, thành phố S, tỉnh S và cháu Võ Ngọc T đều có nguyện vọng được sống với bà T, ông S cũng đồng ý giao hai người con Võ Ngọc T, sinh ngày 18/3/2012 và cháu Võ Ngọc Trâm A, sinh ngày 22/5/2017 cho bà T nuôi dưỡng. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Văn S về việc giao cho bà Ngô Hồng T nuôi dưỡng hai người con chung là cháu Võ Ngọc Trâm A và Võ Ngọc T theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3.2] Về cấp dưỡng nuôi con, bà T tự nguyện không yêu cầu ông S thực hiện nghĩa vụ này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3.3] Ông Võ Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Thảo và cháu Trâm Anh theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.4] Về tài sản chung, bà T và ông S trình bày tự thỏa Thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung, bà T và ông S trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Hồng T và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Về án phí:

Bà Ngô Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Hồng T:

1.1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Hồng T được ly hôn với ông Võ Văn S.

1.2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung là cháu Võ Ngọc T, (nữ, sinh ngày 18/3/2012) và cháu Võ Ngọc Trâm A, (nữ, sinh ngày 22/5/2017) cho bà Ngô Hồng T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Ông Võ Văn S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Võ Ngọc T, Võ Ngọc Trâm A theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3/. Về tài sản chung, bà T và ông S trình bày tự thỏa Thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

1.4/. Về nợ chung, bà T và ông S trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Hồng T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai số 0000150 ngày 21/12/2021 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai T số 0000108 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Bà Ngô Hồng T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Văn S được nhận lại số tiền 150.000 đồng theo biên lai T số 0000107 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

3/. Bà Ngô Hồng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Võ Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Lý Bích Khiêm**



